

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN CÁC KHOẢN HỌC PHÍ  
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024

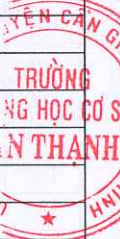
Đơn vị tính: Đồng

Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ II, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13=6+9+12	14	15
1	VÕ THỊ KIM THOA	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664020317HN	
2	LÂM GIA HUY	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664020311HN	
3	NGUYỄN LÊ BẢO LÂM	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010066HN	
4	LÊ NGUYỄN NHƯ NGỌC	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051290HN	
5	TRÌNH ĐOÀN BẢO NGỌC	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664011709HN	
6	NHAN NGỌC HÂN	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664030559HN	
7	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664020397HN	
8	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664051037HN	
9	NGUYỄN HUỆ TÂM	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664050882HN	
10	PHẠM NGUYỄN YẾN VY	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664050967HN	
11	TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664031578HN	
12	NGUYỄN THANH PHONG	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664030545HN	
13	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664051638HN	
14	CHUNG MINH HÀ	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664031807HN	
15	TRẦN THANH PHƯỚC THIỆN	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664051044HN	
16	LƯU ĐỨC TÍN	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664051058HN	
17	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664051682HN	
18	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	6/5	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664010003HN	
19	LÊ HUỲNH BẢO NGỌC	6/6	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664010155HN	
20	HUỲNH GIA HƯNG	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010241HN	
21	DƯƠNG THANH VŨ	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010028HN	
22	LÂM THỊ NGỌC ANH	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664021555HN	
23	NGUYỄN HUỲNH TÚ ANH	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664051632HN	
24	VÕ THANH THIỆN	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664051002HN	
25	PHAN HỒNG PHI	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664040716HN	
26	ĐOÀN HUỲNH TRÂM	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664050786HN	



Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ II, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13=6+9+12	14	15
27	LÊ NGUYỄN NHƯ Ý	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051290HN	
28	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010234HN	
29	NGÔ NGUYỄN TƯỜNG VY	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010097HN	
30	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010234HN	
31	NGUYỄN TƯỜNG VY	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664030605HN	
32	CHÂU NGUYỄN HUỲNH KHANG	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010268HN	
33	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010096HN	
34	CHUNG HIẾU TRỌNG	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664031807HN	
35	LƯU TRÍ ĐỨC	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051058HN	
36	VÕ THANH VY	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664050807HN	
37	NGUYỄN TUYẾT HƯƠNG	8/4	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664040740HN	
38	NGUYỄN BẢO THỊ	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664011791HN	
39	VÕ THANH LÂM	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051002HN	
40	TRẦN BẢO NGỌC	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664040620HN	
41	VÕ KIM NGUYỄN	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010984HN	
42	DƯƠNG THANH PHONG	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010028HN	
43	TRẦN THỊ NGỌC KIM Y	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051044HN	
44	PHẠM VĂN HÙNG	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664050914HN	
45	NGÔ MINH LỢI	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010029HN	
46	TRẦN KIM NGUYỄN	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664030556HN	
47	LÊ HOÀNG NGỌC TRANG	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664030550HN	
48	NGUYỄN HỒNG TRANG	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010268HN	
49	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664020126HN	
50	HUỲNH HÀ TIÊN TRÚC	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664041602HN	
51	HỒ THỊ NGỌC THƠ	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27679010431HN	
52	NGUYỄN PHAN DUY BẢO	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010076HN	
53	PHAN ĐẶNG ANH HUỲNH	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010266HN	
54	NGUYỄN THẦN THƯƠNG	9/4	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664050935HN	
55	LÊ THÀNH ĐẠT	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050798HCN	
56	ĐẶNG XUÂN HIẾU	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050837HCN	
57	TRƯƠNG TẤN LỘC	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050823HCN	
58	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010239HCN	
59	TRẦN LÊ KIỀU MY	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664011718HCN	
60	HUỲNH THANH NGÂN	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050848HCN	
61	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664040628HCN	

Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ II, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13=6+9+12	14	15
62	PHẠM NGUYỄN NHẬT MINH	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664051069HCN	
63	NGUYỄN NGỌC DIỆU NGUYỄN	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664050921HCN	
64	LÊ THỊ MỘNG QUỲNH TRÂM	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664021790HCN	
65	DƯƠNG HOÀNG HIẾU THẢO	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664020436HCN	
66	LÊ HUỶNH KIM NGÂN	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664040686HCN	
67	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27679011009HCN	
68	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664030552HCN	
69	NGUYỄN THỊ NGỌC TIÊN	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010272HCN	
70	NGUYỄN HOÀNG ANH	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051800HCN	
71	PHAN ĐOÀN THANH NGỌC	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664020413HCN	
72	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG GIANG	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664030486HCN	
73	NGUYỄN VIỆT KHUÊ	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010123HCN	
74	NGUYỄN DUY KHANG	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664050992HCN	
75	LÊ THANH HUY	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051666HCN	
76	TRẦN NGUYỄN DUY PHƯƠNG	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051697HCN	
77	LÊ THỊ KIM NGÂN	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664031298HCN	
78	TRẦN GIA NGHI	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664041788HCN	
79	TRẦN THỂ PHONG	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664030588HCN	
80	HUỶNH HỒ NGỌC PHỤNG	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664040613HCN	
81	LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664011035HCN	
82	NGUYỄN MINH TIÊN	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664041752HCN	
83	ĐỖ VŨ ANH THƯ	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664040687HCN	
84	NGUYỄN MINH THUẬN	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27679010488HCN	
85	DƯƠNG THANH HIỀN	6/6	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664021561HCN	
86	LƯƠNG THỊ MINH THỊ	6/6	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664040706HCN	
87	LÊ THỊ ANH THƯ	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010280HCN	
88	TRƯƠNG THIÊN VŨ	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664040650HCN	
89	LÊ PHƯỚC THIỆN	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664020344HCN	
90	TRƯƠNG TUẤN ANH	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010040HCN	
91	NGUYỄN HỮU NHẬT	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050815HCN	
92	LÊ NGUYỄN NGỌC TIÊN	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664011795HCN	
93	NGUYỄN NGỌC BẢO VY	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664011812HCN	
94	NGUYỄN THÀNH TÀI	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050802HCN	
95	TRẦN ĐIỂM PHƯƠNG	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664030487HCN	
96	NGUYỄN HỮU DUY	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010061HCN	



Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ II, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13=6+9+12	14	15
97	NGUYỄN XUÂN NGHI	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664050988HCN	
98	PHẠM NGUYỄN CÔNG DANH	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664011794HCN	
99	TRẦN HOÀNG KIM YẾN	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664020863HCN	
100	NGUYỄN MINH TIẾN	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27679010995HCN	
101	LÊ MINH VI	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27679011005HCN	
102	BÙI ANH KIỆT	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010012HCN	
103	PHAN NGUYỄN MINH NHẬT	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664020356HCN	
104	NGUYỄN NGỌC TUỜNG VY	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051073HCN	
105	QUÁCH BẢO THI	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664021726HCN	
106	TRẦN NGUYỄN MINH HẰNG	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664020368HCN	
107	LÊ NGỌC THÙY DƯƠNG	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27679011234HCN	
108	NGUYỄN HẰNG THÚY AN	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664011510HCN	
109	TRƯƠNG NGỌC HÀ	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664011528HCN	
110	NGUYỄN HUỲNH TẤN LỘC	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010225HCN	
111	TRẦN LÊ KIỀU NHƯ	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664011718HCN	
112	PHAN THỊ THANH TRANG	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664020413HCN	
113	UNG NGUYỄN THANH TRÚC	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664030512HCN	
114	VÔ KHÁNH VY	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664010249HCN	
115	PHAN THỊ TUYẾT MINH	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664021558HCN	
116	LÊ NGỌC THẢO MY	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664031738HCN	
117	NGUYỄN THANH PHONG	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664011815HCN	
118	NGUYỄN TRẦN TUẤN KHANG	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664011811HCN	
119	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH NHƯ	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664050927HCN	
120	LÊ ĐỨC PHÁT	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664021572HCN	
121	NGUYỄN THANH SÁNG	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051131HCN	
122	NGUYỄN THỊ LAN ANH	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051680HCN	
123	CÔ NGÔ THÀNH DANH	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664030564HCN	
124	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010220HCN	
125	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH LINH	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664050927HCN	
126	HUỲNH HỒ QUANG LONG	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664040613HCN	
127	HUỲNH QUỐC THÁI	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664010182HCN	
128	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664011302HCN	
129	TRẦN DƯƠNG GIA LẠC	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664020863HCN	
130	CHUNG NGUYỄN NHẬT LONG	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664031593HCN	
131	NGUYỄN THÀNH THÁI	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051679HCN	

Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ II, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13=6+9+12	14	15
132	TRẦN LÊ NGỌC TRẦN	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27667023314HCN	
133	NGUYỄN THỊ KIM NGA	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664050827HCN	
134	LÊ HUỠNH HỒNG QUÂN	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664021790HCN	
135	NGUYỄN BÙI THÚY QUỲNH	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051615HCN	
136	LÊ THỊ THU	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664011713HCN	
137	HUỠNH HOÀNG VŨ	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051772HCN	
138	HUỠNH THỊ THANH THẢO	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664020344HCN	
139	HUỠNH THỊ KIỀU TRÂM	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051066HCN	
140	PHAN CHÍ TÀI	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664011535HCN	
141	VŨ MINH SƠN	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27676020483HCN	
142	TRƯƠNG THỊ MỸ TUYỀN	9/4	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664050972HCN	
143	NGUYỄN HỒ NHƯ ANH	9/5	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664041753HCN	
144	LÊ NGỌC YẾN	6/1	5	90.000	450.000							450.000	27664041599HKN	
145	VŨ THỤY HOÀNG OANH	6/2	5	90.000	450.000							450.000	27664040727HKN	
146	KIM THÁI HÙNG	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27679010360HKN	
147	VŨ THỊ MINH THU	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664041599HKN	
148	CAO NGỌC LINH	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664020447HKN	
149	NGUYỄN TRÂM GIA HÂN	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664020373HKN	
150	NGUYỄN MINH PHÚC	6/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051626HKN	
151	LÊ ÁNH LINH	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664021573HKN	
152	LƯƠNG TRƯƠNG THANH HUY	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664051699HKN	
153	CHÂU NGỌC TƯỜNG VI	6/4	5	90.000	450.000							450.000	27664021625HKN	
154	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	6/6	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664010105HKN	
155	HỒ THỊ DIỄM KIỀU	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664021542HKN	
156	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051686HKN	
157	NGUYỄN THANH NGÂN	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664040736HKN	
158	NGUYỄN MINH NHỰT	7/1	5	90.000	450.000							450.000	27664041608HKN	
159	TRẦN TRÍ ĐẠT	7/2	5	90.000	450.000							450.000	27664021736HKN	
160	NGUYỄN THANH PHONG	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664051640HKN	
161	NGUYỄN PHẠM THANH THẢO	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664010222HKN	
162	HUỠNH THANH THỦY	7/3	5	90.000	450.000							450.000	27664030533HKN	
163	NGUYỄN TRẦN MINH UYÊN	7/5	5	90.000	450.000	5	51.750	258.750	5	260.000	1.300.000	2.008.750	27664051289HKN	
164	ĐINH TRẦN KHẢ ÁI	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664030536HKN	
165	NGUYỄN DUY KHANG	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664041757HKN	
166	NGUYỄN VĂN HÙNG	8/1	5	90.000	450.000							450.000	27664020442HKN	

Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ II, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ II, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13=6+9+12	14	15
167	NGÔ MINH NHẬT	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664031746HKN	
168	NGUYỄN HOÀNG ANH	8/2	5	90.000	450.000							450.000	27664050990HKN	
169	TRẦN MINH HẰNG	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664050886HKN	
170	VÕ THỊ THI THƠ	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664041599HKN	
171	NGUYỄN PHÙNG MINH TÂM	8/3	5	90.000	450.000							450.000	27664040611HKN	
172	NGUYỄN TRẦN KIM HUỆ	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664031586HKN	
173	NGUYỄN CHÂU TƯỜNG VY	9/1	5	90.000	450.000							450.000	27664051009HKN	
174	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664051645HKN	
175	LÊ HUỠNH PHƯƠNG DUYÊN	9/2	5	90.000	450.000							450.000	27664041600HKN	
176	VƯƠNG PHÁT ĐẠT	9/3	5	90.000	450.000							450.000	27664041755HKN	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>79.200.000</b>			<b>2.587.500</b>			<b>13.000.000</b>	<b>94.787.500</b>		

Tổng số học sinh: 176 học sinh Trong đó:

Tổng số tiền đề nghị được miễn, giảm: 94.787.500 đồng

Số tiền bằng chữ: Chín mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

Người lập bảng



Trần Thị Ngọt



Trương Văn Hùng